TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **161** /2024/HS-ST
Ngày 20 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn.

2. Bà Đặng Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Đinh Viết Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh V; sinh năm 1985; tại Thành phố Hồ Chí Minh nơi cư trú (Nơi đăng ký thường trú: Không; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định: Làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lý Thị H; có vợ Bùi Thị Mỹ C có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2023 đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1969; nơi cư trú: I đường số A (nay là đường L), Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Chị Hà Thị Kim D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 30/6/2004, Dương Thái H1, Lê Minh T1, Trần Quốc V1 (Bé), Huỳnh Văn M1, Ung Thành T2 (N), Nguyễn Ngọc T3, Đặng Thành T4 (Đen), Đinh Văn C1 (Đen), Nguyễn Anh D1 và Nguyễn Thanh V2 (B) cùng ngồi ăn nhậu đám ma tại Xóm L Phường

E, Quận H. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01/7/2004, Dương Thái H1 rủ thì được Lê Minh T1, Trần Quốc V1, Nguyễn Anh D1, Nguyễn Thanh V2, Huỳnh Văn M1, Ung Thành T2 đồng ý đến khu vực Chợ C2 Chánh Hưng P, Quận H uống cà phê. Riêng Đặng Thành T4, Nguyễn Ngọc T3, Đinh Văn C1 ở lại nhậu tại đám ma. Dương Thái H1 cùng cả nhóm đi theo hướng từ đường Phạm Thế H2 vào đường số A, Phường E, Quận H (nay là đường D). Khi đến trước sân Vận động Q thì Dương Thái H1, Huỳnh Văn M1, Ung Thành T2 đi trước, còn Lê Minh T1, Trần Quốc V1, Nguyễn Anh D1, Nguyễn Thanh V2 đi sau, mỗi nhóm cách nhau khoảng 100m. Khi nhìn thấy anh Lê Văn T (Q) và chị Hà Thị Kim D đang ngồi nói chuyện lề đường trước sân Vận động Q, nên Lê Minh T1 nảy sinh ý định cướp tài sản của anh T và chị D. Lê Minh T1 trao đổi và được Trần Quốc V1, Nguyễn Anh D1 và Nguyễn Thanh V2 đồng ý. Thực hiện việc cướp tài sản của anh T và chị D, Trần Quốc V1 liền đi đến chỗ anh T và chị D đang ngồi, rồi nói: "Bây giờ cần tiền, cho mấy ngàn uống cà phê…". Anh T đứng dậy định bỏ chạy thì bị Trần Quốc V1, Lê Minh T1, Nguyễn Thanh V2 dùng tay đuổi đánh, còn Nguyễn Anh D1 dùng tay đánh vào mặt chị D cướp lấy điện thoại di động hiệu Motorola đang cầm trên tay. Sau khi cướp được điện thoại trên, Nguyễn Anh D1 cất điện thoại di động vào túi quần và cùng với Lê Minh T1, Trần Quốc V1, Nguyễn Thanh V2 bỏ đi. Chị D sau khi bị đánh và bị lấy mất điện thoại đã tri hô lên "Cướp, cướp" nhưng do đường vắng không có ai đuổi bắt số đối tượng nêu trên.

Để lấy lại điện thoại di động bị cướp, anh Lê Văn T đề nghị và được Lê Minh T5, Nguyễn Trọng Thế H3 đồng ý đi chung 1 xe honda quay lại truy đuổi nhóm Lê Minh T1. Khi đến ngã 3 đường T - Đường số A, Phường E, Quận H thì bị nhóm của Lê Minh T1 đánh trả nên bỏ chạy. Lúc này, nhóm của Lê Minh T1 không đi uống cà phê nữa, mà có ý định quay về tiếp tục nhậu ở đám ma. Riêng Lê Văn T, Lê Minh T5, Nguyễn Trọng Thế H3 sau khi bỏ chạy về xóm và rủ thêm Nguyễn Châu V3 và một người bán cá viên chiên (không rõ lai lịch) cùng đi 2 xe honda truy đuổi nhóm của Lê Minh T1 đến khu vực nhà hàng N, Phường E, Quận H.

Đang ngồi nhậu ở đám ma, nghe nhóm Lê Minh T1 bị đánh, nên Nguyễn Ngọc T3, Đặng Thành T4, Đinh Văn C1 đi honda chạy ra cùng với T1, Trần Quốc V1, Huỳnh Văn M1, Ung Thành T2, Nguyễn Anh D1, Nguyễn Thanh V2 nhặt cây trên lề đường đuổi, đánh anh T nhiều cái vào người làm anh T ngã xuống đường gây thương tích. Nguyễn Thanh V2 đã dùng cây tràm dài khoảng 80cm đánh khoảng 3-4 cái vào người anh T. Riêng anh Nguyễn Châu V3, Lê Minh T5, Nguyễn Trọng Thế H3 và người bán cá viên chiên bỏ chạy thoát nên không bị thương tích. Anh Lê Văn T được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện C3, đến ngày 5/7/2004 anh T được xuất viện .

Ngày 5/8/2004, Tổ chức giám định pháp y Thành phố H đã có bản kết luận số 1042 kết luận thương tích của anh Lê Văn T như sau: "Chấn thương đầu tạo 2 sẹo 02 cm và 02cm ở trán bên trái và chẩm phải, ổn định. Chấn thương ngực gây: gãy 3 xương sườn phải, tràn khí màng phổi phải đã dẫn lưu màng phổi hiện 3 sẹo trầy sước da ở lưng, vùng ngực phải, ổn định. Tỉ lệ thương tật toàn bộ: 19% vĩnh viễn".

Sau khi nhóm của Lê Minh T1 cướp điện thoại di động của chị Hà Thị Kim D và bị truy đuổi, người bán cá viên chiên đã lượm được điện thoại di động trên đưa lại cho Nguyễn Trọng Thế H3, H3 đưa lại cho Lê Thị Ngọc L (em của T) để nhờ Huỳnh Đặng Huy P vào bệnh viện C3 đưa lại cho anh T giao nộp cho Công an P1, Quận H. Đến ngày 23/9/2004, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã lập biên bản trao trả điện thoại di động cho anh T.

Ngày 21/9/2004, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt tạm giam bị can đối với Lê Minh T1 về hành vi "Cướp

tài sản" và "Cố ý gây thương tích", Trần Quốc V1 về hành vi "Cướp tài sản"; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Ngọc T3, Đặng Thành T4 về hành vi "Cố ý gây thương tích"; Quyết định truy nã đối với Đinh Văn C1 về hành vi "Cố ý gây thương tích", Nguyễn Anh D1 về hành vi "Cướp tài sản" và "Cố ý gây thương tích". Ngày 15/11/2004, Quyết định khởi tố bị can và Quyết định truy nã đối với đối với Nguyễn Thanh V2 về hành vi "Cướp tài sản" và "Cố ý gây thương tích".

Ngày 15/02/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Thanh V2.

Ngày 18/4/2005, Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử tuyên phạt Lê Minh T1 03 năm tù về tội "Cướp tài sản" và 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; Trần Quốc V1 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; Nguyễn Ngọc T3 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và Đặng Thành T4 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 63/2005/HSST. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị phúc thẩm.

Ngày 18/4/2005, Tòa án nhân dânThành phố Hồ Chí Minh xét xử chấp nhận việc rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Ngày 21/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 bắt Nguyễn Thanh V2 theo Quyết định truy nã số 66 ngày 15/11/2004 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 lập biên bản tại Công an xã N, huyện N.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Nguyễn Thanh V2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

- Về vật chứng: Không có.

- Trách nhiệm dân sự: Do bị hại vắng mặt nên sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Tại bản Cáo trạng số 121/CT-VKS-Q8 ngày 02/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thanh V2 về tội "Cố ý gây thương tích" và "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 và khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh V2 về tội "Cố ý gây thương tích" và "Cướp tài sản". Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 và khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V2 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và từ 04 năm đến 05 năm tù về tội "Cướp tài sản"; đề nghị áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 07 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại vắng mặt nên đề nghị tách việc bồi thường để giải quyết sau theo quy định của pháp luật khi bị hại có yêu cầu. Về vật chứng: Không có; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01/7/2004, tại trước sân Vận động Q, Nguyễn Thanh V2 cùng đồng phạm có hành vi dùng vũ lực đánh anh Lê Văn T và chị Hà Thị Kim D, làm cho các bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được, rồi cướp 01 điện thoại di động hiệu Motorola chị D đang cầm trên tay và nhanh chóng tẩu thoát. Sau khi cướp được điện thoại, thấy đồng bọn bị truy đuổi đến khu vực nhà hàng N, Phường E, Quận H, Nguyễn Thanh V2 cùng đồng phạm có hành vi gây thương tích cho anh Lê Văn T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 19%. Bị cáo và đồng phạm sử dụng cây tràm dài khoảng 80cm làm công cụ phạm tội nên thuộc trường hợp *"dùng hung khí nguy hiểm*". Đây là tình tiết định tội, định khung hình phạt của tội "Cố ý gây thương tích"

[3] Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Cố ý gây thương tích" như sau:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

....

i) Có tính chất côn đồ.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

...”

[4] Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp tài sản” như sau:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[5] Thời điểm bị cáo và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, do có sự thay đổi pháp luật hình sự mới, theo Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì tội “Cố ý gây thương tích” khoản 2 Điều 134 có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù, là nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là 02 năm đến 07 năm tù; tội “Cướp tài sản” quy định tại Điều 168 có hình phạt cao nhất là “tù chung thân” là nhẹ hơn mức hình phạt cao nhất tại Điều 133 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) là “tử hình”.

Do đó, để áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét về tội danh và hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 134 và khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, cùng cố ý thực hiện hành vi gây thương tích nên phải chịu trách nhiệm chung đối với toàn bộ hậu quả do hành vi cùng gây ra; đồng thời bị cáo và các đồng phạm đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh V2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134và khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[8] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Cướp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm mình gây ra, mong được hưởng sự khoan hồng của

pháp luật; bị cáo có trình độ học vấn còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình thực sự khó khăn và nhân thân tốt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt mà đáng ra bị cáo phải chịu.

[9] Sau khi phạm tội trong vụ án này, bị cáo đã bỏ trốn và bị cơ quan điều tra ra quyết định truy nã, điều này đã gây khó khăn cho việc điều tra vụ án, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là chưa tốt. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo.

[10] Bị cáo Nguyễn Thanh V2 phạm tội thuộc trường hợp phạm nhiều tội nên Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[11] Xét các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng chỉ mang tính nhất thời, giản đơn không có tính tổ chức. Do đó, khi xem xét, quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò của bị cáo.

[12] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[13] Về vật chứng: Không có.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại vắng mặt nên Hội đồng xét xử tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau theo quy định của pháp luật khi bị hại có yêu cầu.

[15] Đối với các đồng phạm của bị cáo: Ngày 18/4/2005, Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử tuyên phạt Lê Minh T1 03 năm tù về tội "Cướp tài sản" và 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; Trần Quốc V1 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; Nguyễn Ngọc T3 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và Đặng Thành T4 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 63/2005/HSST. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị phúc thẩm. Ngày 18/4/2005, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử chấp nhận việc rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

[16] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại các điều 23, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V2 03 (ba) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 04 (bốn) năm tù về tội "Cướp tài sản". Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/11/2023.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh V2 nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQ ĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc